

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
THỊ TRẤN HÀ TRUNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: /BC-UBND

Thị trấn Hà Trung, ngày tháng 9 năm 2021

## **BÁO CÁO**

**Công tác kiểm soát thủ tục hành chính, triển khai cơ chế một cửa, một cửa liên thông và thực hiện TTHC trên môi trường điện tử quý 3 năm 2021**

Kính gửi: UBND huyện Hà Trung.

Thực hiện chế độ thông tin báo cáo theo Thông tư 01/2020/TT-VPCP ngày 21/10/2020 của Văn phòng Chính phủ. UBND thị trấn Hà Trung báo cáo kết quả thực hiện kiểm soát TTHC quý 3 năm 2021 như sau:

### **I. TÌNH HÌNH, KẾT QUẢ KIỂM SOÁT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH (TTHC)**

#### **1. Kết quả tổ chức triển khai thực hiện các quy định của pháp luật về giải quyết TTHC**

Trên cơ sở các văn bản hướng dẫn của Trung ương, tỉnh và UBND huyện về thực hiện giải quyết TTHC, UBND xã đã nghiêm túc quán triệt, phổ biến và triển khai thực hiện các văn bản, quy định về giải quyết TTHC đến mọi cán bộ, công chức xã và tuyên truyền nhân dân được biết. Chủ tịch UBND xã luôn quan tâm đến công tác cải cách TTHC của địa phương cụ thể chỉ đạo cho bộ phận chuyên môn thực hiện nghiêm túc các văn bản quy định về kiểm soát TTHC của huyện, của tỉnh, bố trí phòng làm việc, nơi tiếp công dân, bố trí cán bộ có đủ năng lực, tinh thần trách nhiệm để tiếp công dân; kiểm tra đôn đốc cán bộ chuyên môn thực hiện có hiệu quả việc giải quyết TTHC.

Trong quý 3 năm 2021, UBND thị trấn chỉ đạo các bộ phận chuyên môn tiếp tục thực hiện cắt giảm thời gian giải quyết TTHC cho công dân; Xây dựng kế hoạch số 71/KH-UBND ngày 17/8/2021 về việc triển khai Đề án đổi mới việc thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính trên địa bàn thị trấn Hà Trung; Kế hoạch số 72/KH-UBND ngày 18/8/2021 về việc đẩy mạnh cải cách TTHC nhằm giải quyết tốt các công việc của người dân, doanh nghiệp và tạo môi trường đầu tư kinh doanh, sự hấp dẫn các nhà đầu tư vào đầu tư sản xuất kinh doanh trên địa bàn thị trấn Hà Trung.

UBND thị trấn thực hiện việc đánh giá kết quả giải quyết TTHC của công chức chuyên môn vào các hội nghị định kỳ hàng tháng. Giao nhiệm vụ kiểm soát TTHC cho công chức Văn phòng - thống kê theo dõi quá trình thực hiện nhiệm vụ của các công chức chuyên môn; đồng thời tăng cường kỷ luật, kỷ cương hành chính trong việc thực hiện nhiệm vụ cán bộ công chức, sử dụng thời gian làm việc trong giờ hành chính và tiếp công dân.

## **2. Rà soát, đơn giản hóa TTHC**

Căn cứ của UBND huyện về rà soát, đánh giá và thực hiện các quy định về đơn giản hóa thủ tục hành chính. UBND thị trấn chủ động rà soát cập nhật các TTHC mới, các Quyết định công bố TTHC của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa, các TTHC bị bãi bỏ trên cơ sở dữ liệu quốc gia về TTHC. Tổng số thủ tục hành chính của UBND tỉnh Thanh Hóa áp dụng tại đơn vị 214/225TTHC.

Thực hiện công văn 1453/UBND-CP ngày 14/6/2021 của UBND huyện Hà Trung về việc cắt giảm thời gian giải quyết TTHC trên Hệ thống phần mềm một cửa điện tử và Cổng dịch vụ công; Chủ tịch UBND thị trấn chỉ đạo các công chức chuyên môn chủ động thực hiện giảm thời gian giải quyết thủ tục hành chính cho tổ chức, công dân tối thiểu 30%, tối đa trên 60% so với quy định thời gian giải quyết TTHC tại xã cho 139 thủ tục thuộc 27 lĩnh vực chủ yếu gồm: Hộ tịch, NCC, BTXH, văn hóa cơ sở, thi đua khen thưởng, tiếp công dân.

## **3. Tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị về quy định, TTHC**

- Tổng số phản ánh, kiến nghị đã tiếp nhận trong kỳ báo cáo, trong đó: Số tiếp nhận mới, số từ kỳ trước chuyển qua, kiến nghị về quy định hành chính, số phản ánh, kiến nghị về hành vi hành chính: Không có

- Số phản ánh, kiến nghị đã xử lý: Không có.

*(Biểu 05a đính kèm)*

## **4. Tình hình, kết quả giải quyết TTHC**

- Tổng số hồ sơ TTHC đã tiếp nhận trong quý 3 năm 2021 (tính từ ngày 15/6/2021 đến ngày 14/9/2021): 280 hồ sơ, trong đó: trực tuyến: 187, trực tiếp 93 hồ sơ, số từ kỳ trước chuyển qua: 0 hồ sơ.

- Số lượng hồ sơ đã giải quyết: 260 hồ sơ; trong đó, giải quyết trước hạn: 228, đúng hạn: 32, quá hạn: 0; rút lại hồ sơ: 02 (ĐK khai sinh và cấp bản sao).

- Số lượng hồ sơ đang giải quyết: 18 hồ sơ (đất đai).

*(Biểu 07a kèm theo)*

## **5. Triển khai cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết TTHC trong quý 3/2021**

Thực hiện cơ chế một cửa, cơ chế một cửa liên thông theo Quyết định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Thủ tướng Chính phủ, UBND thị trấn đã phân công cán bộ, công chức thực hiện nhiệm vụ tại Bộ phận một cửa do đồng chí PCT UBND là Trưởng ban. Bộ phận TN&TKQ thực hiện nghiêm kỷ cương, kỷ luật hành chính trong việc tiếp nhận, xử lý, giải quyết thủ tục hành chính cho tổ chức, cá nhân và doanh nghiệp, bảo đảm giải quyết công việc nhanh chóng, thuận tiện; việc yêu cầu bổ sung hồ sơ chỉ được thực hiện không quá một lần trong suốt quá trình giải quyết.

Kết quả thực hiện: Số TTHC thực hiện theo cơ chế một cửa: 153 hồ sơ; Số TTHC thực hiện theo cơ chế một cửa liên thông 127 hồ sơ; Số thủ tục tiếp nhận trên dịch vụ công trực tuyến: 187, nhận trực tiếp: 93 hồ sơ.

## **6. Thực hiện TTHC trên môi trường điện tử**

Trong quý 3 năm 2021, UBND thị trấn tiếp tục thực hiện giải quyết TTHC trên môi trường điện tử và hướng dẫn công dân nộp hồ sơ trên dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4. Kết quả cụ thể:

- Tổng số TTHC tiếp nhận hệ thống phần mềm một cửa điện tử: 246 hồ sơ.
- Số hồ sơ giải quyết đúng hạn: 244 hồ sơ.
- Số hồ sơ trả quá hạn 0 hồ sơ
- Rút lại : 02 hồ sơ
- Số hồ sơ tiếp nhận trực tuyến dịch vụ công 187 hồ sơ (trong đó mức độ 3: 77 hồ sơ; mức độ 4: 110 hồ sơ) đạt tỷ lệ trên 85%, vượt chỉ tiêu huyện giao.

*(Biểu 06a đính kèm)*

## **7. Truyền thông hỗ trợ hoạt động kiểm soát TTHC**

UBND thị trấn xem công tác giải quyết TTHC là nhiệm vụ chính trị quan trọng của địa phương, do đó đã tập trung quán triệt và phổ biến cho cán bộ công chức tại các cuộc họp mở rộng hàng tháng. Đồng thời tăng cường công tác tuyên truyền trên hệ thống loa truyền thanh của thị trấn cho nhân dân được biết.

- Cách thức thực hiện: Hình thức chủ yếu tuyên truyền trên hệ thống Đài truyền thanh thị trấn và các tiểu khu.

- + Bộ phận chủ trì: Công chức văn hóa và cán bộ đài truyền thanh.
- + Bộ phận phối hợp: Văn phòng – thông kê.
- + Thời lượng phát thanh 01 lần/tuần thời lượng 6-8 phút.
- + Nội dung tuyên truyền: Tuyên truyền rộng rãi nội dung của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính (sau đây gọi tắt là Nghị định số 61/2018/NĐ-CP). Tuyên truyền Nghị định số 45/2020/NĐ-CP ngày 08/04/2020 của Chính phủ về thực hiện giải quyết thủ tục hành chính trên môi trường điện tử. Tuyên truyền kết quả giải quyết TTHC.

- Kết quả việc thực hiện kế hoạch tuyên truyền: Đã giúp cán bộ và nhân dân nắm bắt được các quy định về trình tự trong giải quyết các TTHC ở địa phương, đặc biệt là công tác giải quyết các TTHC cho công dân đảm bảo đúng trình tự, đúng thời gian quy định, không gây phiền hà, đảm bảo sự hài lòng của công dân đến giao dịch.

## **8. Nghiên cứu, đề xuất sáng kiến cải cách TTHC: Không**

## **9. Kiểm tra thực hiện kiểm soát TTHC**

- Số lần kiểm tra việc thực hiện kiểm soát TTHC; hình thức kiểm tra; kết quả kiểm tra: Không

- Việc khen thưởng cán bộ, công chức có thành tích, việc xử lý cán bộ, công chức vi phạm quy định về kiểm soát thực hiện TTHC: Không.

## **10. Nội dung khác**

- Việc ban hành đồng bộ, cụ thể các chính sách, quy chuẩn, tiêu chuẩn, định mức kinh tế - kỹ thuật gắn với việc giải quyết TTHC: Không có.

- Về công tác xây dựng, ban hành và tổ chức thực hiện văn bản triển khai nhiệm vụ: UBND thị trấn ban hành đầy đủ các văn bản triển khai hướng dẫn của tỉnh, huyện về thực hiện kiểm soát TTHC.

- Hoạt động đôn đốc, tập huấn hướng dẫn nghiệp vụ: Không

## **II. ĐÁNH GIÁ CHUNG**

### **1. Ưu điểm:**

- UBND thị trấn đã thực hiện tốt công tác tuyên truyền, quán triệt việc kiểm soát TTHC đến cán bộ công chức và người dân, giải quyết TTHC cho tổ chức, công dân với phương châm nhanh, gọn, đúng luật.

- Công tác công khai TTHC được thực hiện thường xuyên, liên tục, kịp thời đảm bảo đầy đủ, chính xác.

- Thực hiện tốt tiếp nhận và trả kết quả trên hệ thống Một cửa điện tử hướng dân nộp hồ sơ trực tuyến tại đơn vị.

### **2. Tồn tại hạn chế:**

Cơ sở vật chất phục vụ cho việc giải quyết TTHC còn chưa đảm bảo theo quy định, cụ thể chưa có phòng riêng cho BPTN&TKQ; chưa có đủ máy in, máy photocopy, máy FAX vụ cho việc giải quyết hồ sơ một cửa điện tử.

### **3. Nguyên nhân**

- Nguồn ngân sách của địa phương hạn chế, chủ yếu dựa vào nguồn phân bổ từ ngân sách nhà nước cấp trên.

## **III. PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ NHỮNG THÁNG CUỐI NĂM**

- Yêu cầu các bộ phận chuyên môn thực hiện tốt tiếp nhận và giải quyết TTHC theo quy định.

- Tiếp tục thực hiện đầy đủ các nội dung kiểm soát TTHC;

- Phối hợp với phòng Văn hóa và Trung tâm Viễn thông huyện trong việc đăng tải các nội dung thông tin liên quan đến nội dung cải cách TTHC tại địa phương.

## **IV. KIẾN NGHỊ VÀ ĐỀ XUẤT: Không**

Trên đây là báo cáo tình hình, kết quả thực hiện kiểm soát TTHC quý 3 năm 2021 của UBND thị trấn Hà Trung. UBND thị trấn báo cáo để UBND huyện được biết, theo dõi và chỉ đạo./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Lưu: VT, VP.

**CHỦ TỊCH**

**Cù Văn Hân**

Biểu số II.07b/VPCP/KSTT

**TỔNG HỢP SỐ LƯỢNG THỦ TỤC HÀNH CHÍNH  
VÀ KẾT QUẢ THỰC HIỆN “4 TẠI CHỖ” TẠI  
BỘ PHẬN MỘT CỬA CỦA THỊ TRẤN HÀ TRUNG**

**Kỳ báo cáo: Quý 3 Năm 2021**  
(Từ ngày 15/6/2021 đến ngày 14/9/2021)

**- Đơn vị báo cáo:**  
UBND thị trấn Hà Trung  
**- Đơn vị nhận báo cáo:**  
UBND huyện Hà Trung

Đơn vị tính: TTHC, %

**I. SỐ LƯỢNG TTHC TRIỂN KHAI TẠI BỘ PHẬN MỘT CỬA**

| STT | Lĩnh vực                     | Tổng số TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của địa phương |          |           |        | TTHC được thực hiện theo CCMC, MCLT |                   |                    |                 | Quy trình nội bộ giải quyết TTHC theo CCMC, MCLT được ban hành |          |           |        |
|-----|------------------------------|---------------------------------------------------------|----------|-----------|--------|-------------------------------------|-------------------|--------------------|-----------------|----------------------------------------------------------------|----------|-----------|--------|
|     |                              | Tổng số TTHC                                            | Cấp tỉnh | Cấp huyện | Cấp xã | Tổng số TTHC                        | Tại BPMC cấp tỉnh | Tại BPMC cấp huyện | Tại BPMC cấp xã | Tổng số quy trình                                              | Cấp tỉnh | Cấp huyện | Cấp Xã |
| (1) | (2)                          | (3)=(4)+(5)+<br>(6)                                     | (4)      | (5)       | (6)    | (7)=(8)+<br>(9)+(10)                | (8)               | (9)                | (10)            | (11)=(12)+(13)+(14)                                            | (12)     | (13)      | (14)   |
| 1   | Lĩnh vực Người có công       | 25                                                      | 0        | 0         | 25     | 25                                  | 0                 | 0                  | 3               |                                                                |          |           |        |
| 2   | Lĩnh vực BTXH                | 17                                                      | 0        | 0         | 17     | 17                                  | 0                 | 0                  | 5               |                                                                |          |           |        |
| 3   | Lĩnh vực Trẻ em              | 5                                                       | 0        | 0         | 5      | 5                                   | 0                 | 0                  | 2               |                                                                |          |           |        |
| 4   | Lĩnh vực văn hóa cơ sở       | 2                                                       | 0        | 0         | 2      | 2                                   | 0                 | 0                  | 2               |                                                                |          |           |        |
| 5   | Lĩnh vực TN nước             | 1                                                       | 0        | 0         | 1      | 1                                   | 0                 | 0                  | 1               |                                                                |          |           |        |
| 6   | Lĩnh vực trồng trọt          | 1                                                       | 0        | 0         | 1      | 1                                   | 0                 | 0                  | 1               |                                                                |          |           |        |
| 7   | Lĩnh vực thi đua khen thưởng | 9                                                       | 0        | 0         | 9      | 9                                   | 0                 | 0                  | 8               |                                                                |          |           |        |

|    |                                                            |    |   |   |    |    |   |   |    |  |  |  |  |
|----|------------------------------------------------------------|----|---|---|----|----|---|---|----|--|--|--|--|
| 8  | Lĩnh vực phổ biến giáo dục pháp luật                       | 6  | 0 | 0 | 6  | 6  | 0 | 0 | 6  |  |  |  |  |
| 9  | Lĩnh vực Thủy lợi                                          | 3  | 0 | 0 | 3  | 3  | 0 | 0 | 3  |  |  |  |  |
| 10 | Lĩnh vực: Lĩnh vực Kinh tế hợp tác và Phát triển nông thôn | 2  | 0 | 0 | 2  | 2  | 0 | 0 | 0  |  |  |  |  |
| 11 | Lĩnh vực tôn giáo chính phủ                                | 10 | 0 | 0 | 10 | 10 | 0 | 0 | 10 |  |  |  |  |
| 12 | Lĩnh vực chính quyền địa phương                            | 1  | 0 | 0 | 1  | 1  | 0 | 0 | 0  |  |  |  |  |
| 13 | Lĩnh vực thể dục thể thao                                  | 1  | 0 | 0 | 0  | 1  | 0 | 0 | 1  |  |  |  |  |
| 14 | Lĩnh vực dân số                                            | 2  | 0 | 0 | 0  | 2  | 0 | 0 | 2  |  |  |  |  |
| 15 | Lĩnh vực Bồi thường nhà nước                               | 1  | 0 | 0 | 0  | 1  | 0 | 0 | 1  |  |  |  |  |
| 16 | Lĩnh vực đường thủy nội địa                                | 13 | 0 | 0 | 13 | 13 | 0 | 0 | 13 |  |  |  |  |
| 17 | Lĩnh vực chứng thực                                        | 11 | 0 | 0 | 11 | 11 | 0 | 0 | 11 |  |  |  |  |
| 18 | Lĩnh vực Hộ tịch                                           | 23 | 0 | 0 | 23 | 23 | 0 | 0 | 21 |  |  |  |  |
| 19 | Lĩnh vực GD&ĐT hệ thống quốc dân                           | 5  | 0 | 0 | 5  | 5  | 0 | 0 | 5  |  |  |  |  |
| 20 | Lĩnh vực Giáo dục mầm non                                  | 1  | 0 | 0 | 1  | 1  | 0 | 0 | 1  |  |  |  |  |
| 21 | Lĩnh vực Xử lý đơn thư                                     | 1  | 0 | 0 | 1  | 1  | 0 | 0 | 1  |  |  |  |  |
| 22 | Lĩnh vực tiếp công dân                                     | 1  | 0 | 0 | 1  | 1  | 0 | 0 | 1  |  |  |  |  |

[illegible]

|                  |                                                                            |            |          |          |          |            |          |          |            |  |  |  |  |
|------------------|----------------------------------------------------------------------------|------------|----------|----------|----------|------------|----------|----------|------------|--|--|--|--|
| 40               | Lĩnh vực Khoa học công nghệ và Môi trường liên quan tới tiếp cận nguồn gen |            |          |          |          |            |          |          |            |  |  |  |  |
| <b>TỔNG CỘNG</b> |                                                                            | <b>226</b> | <b>0</b> | <b>0</b> | <b>0</b> | <b>176</b> | <b>0</b> | <b>0</b> | <b>146</b> |  |  |  |  |